

KẾT CẤU SONG TRÙNG TRONG *TỰ SỰ CỦA HẠT MƯA* (LÊ NA)

Trần Nhật Thu

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: thu_dhkh@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 01/3/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

Lí thuyết nữ quyền nhìn từ góc cạnh sinh thái là một hướng nghiên cứu và sáng tác mới mẻ ở Việt Nam trong vài năm trở lại đây. *Tự sự của hạt mưa* (Đào Lê Na) được xem là quyển tiểu thuyết nữ quyền sinh thái đầu tiên ở Việt Nam. Trong tiểu thuyết này, để thể hiện rõ nét nhất sự chồng chéo 2 chủ đề nữ quyền và sinh thái, tác giả đã sử dụng kết cấu song trùng ở nhiều cấp độ khác nhau: nhân vật, biểu tượng và văn bản. Sự song trùng ở cả cấp độ nội dung và hình thức khiến người đọc có cơ hội tiếp nhận cùng lúc hai ảnh chiếu độc lập và chính điều này tạo nên sự lôi cuốn, sinh động cho *Tự sự của hạt mưa*.

Từ khóa: Kết cấu song trùng, *Tự sự của hạt mưa*

1. DẪN NHẬP

Tồn tại từ lâu trong các nền văn hoá nghệ thuật, cái song trùng được hiểu là sự thể hiện các sự vật, con vật theo nguyên lý cặp đôi, mang tính lưỡng diện. Trong văn học, tính chất song trùng thường xuất hiện ở kiểu nhân vật phân thân - nhân vật với bản ngã thứ hai hay hai linh hồn trong một thể xác. Các nhà nghiên cứu thường nhắc đến tiểu thuyết *Sói đồng hoang* của Hermann Hesse, tiểu thuyết *Trường hợp kỳ lạ của Bs Jekyll và Ông Hyde* của R.L.Stevenson, tác phẩm của Kafka, A. Camus hay Edgar Poe. Đặc điểm có tính tất yếu của song trùng là sự tương liên theo theo cả hai chiều thuận nghịch. Nói cách khác, trong kết cấu song trùng, mỗi yếu tố thường tồn tại vừa như một phiên bản, vừa như một đối cực của yếu tố kia, vừa bổ khuyết, chiếu ứng lại vừa tương phản.

Với *Tự sự của hạt mưa* - tác phẩm được đánh giá là cuốn tiểu thuyết nữ quyền sinh thái đầu tiên tại Việt Nam, tác giả Đào Lê Na đã xây dựng cặp nhân vật song trùng X. và M, đặt họ trong mạch chảy của câu chuyện về tan vỡ và chữa lành, đánh mất và tìm lại. X. và M. như hai mảnh ghép nghịch chiều: một trầm luân trong đau khổ, dằn vặt, một tự do và phóng khoáng; một oằn mình dưới gánh nặng của định

kiến, của quan niệm truyền thống, một vươn mình về phía chân trời, làm giàu thêm giá trị của mình từ những chuyến đi. Họ được định sẵn gắn kết với nhau, phản chiếu khát khao cũng như lấp đầy khiếm khuyết của người kia. X. nhìn thấy trong mắt M. cả một thế giới muôn màu và M. nhìn thấy qua X. dáng vẻ thụ động, cam chịu của hàng hà sa số thân phận phụ nữ. Ở X. và M., chúng ta nhận thấy dấu vết của “sự tách rời nhân cách” [1, tr.16], một dạng thức của yếu tố kì ảo theo quan niệm của M.Schneider.

2. CÁC DẠNG KẾT CẤU SONG TRÙNG TRONG TỰ SỰ CỦA HẠT MƯA

Kết cấu song trùng trong *Tự sự của hạt mưa* gồm song trùng nhân vật, song trùng biểu tượng và song trùng văn bản.

2.1. Song trùng nhân vật

X. và M. là đôi bạn thân nhưng đồng thời, cũng dường như là ảnh ngược của nhau. Những gì khuyết thiếu trong thế giới của X. lại chính là những sắc màu phong phú làm nên thế giới của M. Tác giả *Tự sự của hạt mưa* đã cùng một lúc họa bức chân dung của hai gương mặt nữ mà một người trầm mặc, u buồn như chính truyền thống, một người sinh động, tươi tắn, mang hơi thở hiện đại.

Ngay từ dáng vẻ bên ngoài, X. và M. đã khác biệt nhau. M. trắng trẻo và từ nhỏ đã bị nhồi nhét tư tưởng “con gái phải xinh và trắng thì sau này lớn lên mới lấy được chồng...dù có một nắng hai sương trên đồng ruộng thì cũng phải chú ý dưỡng da, dưỡng tóc, phải thật xinh đẹp”. M. lại có làn da rám nắng, săn chắc, không ngần ngại phơi nắng chơi đá bóng cùng anh trai giữa những cánh đồng vừa gặt tro gốc rạ, bất chấp việc có thể “không ai dám lấy” vì “con gái mà chạy nhảy đá banh cứ như con trai”.

X. dễ dàng chịu ảnh hưởng của người khác, không đủ can đảm đối chọi lại với những định kiến, quan niệm cũ. X. như miếng đất sét thô chờ tay người nhào nặn thành bất kì hình hài nào, nhưng lại chưa từng sống trong cái hình hài mình yêu thích, đúng như lời tự thú của cô: “Tôi không thể rời bỏ được những luật chơi mà người lớn đã sắp xếp sẵn cho cuộc đời của mình”. X. dùng nước vo gạo làm trắng da, học nấu ăn để giữ chân đàn ông vì “con đường tình yêu của người đàn ông là đi qua dạ dày”, nhắm mắt chấp nhận chuyện lấy chồng sinh con như một bổn phận, một nghĩa vụ, hơn thế nữa, là lý tưởng tồn tại, là ý nghĩa sống duy nhất. Nhưng cũng chẳng thể nào trách X. khi mà tâm hồn bé nhỏ, có phần mỏng manh ấy, từ rất sớm đã được nuôi dưỡng trong một sinh quyền phụ thuộc và phục tùng mà tấm gương rành rành trước mắt chính là mẹ X. Với X., mẹ là người hướng đạo. Với người đọc, đó là quyền giáo lý đầy chữ và nghĩa của trật tự cũ, lấy người đàn ông làm trung tâm. Nuôi dưỡng làn da trắng là để lấy chồng. Nấu ăn ngon là để giữ chồng, cho dù, trong hồi ức của X., những bữa ăn mẹ nấu luôn vừa ngon lại vừa chua xót bởi sự vô tình của cha: “Canh rau muống, cà

dầm tương, mắm dầm trứng luộc, thịt kho mắm ruốc, đậu phộng bọc đường là những món không thể thiếu trên bàn ăn nhà tôi. Bố tôi là người đàn ông khó tính. Mẹ bảo rằng ông sẽ không ngồi vào bàn nếu không đủ các món ăn kèm trên cho dù có những bữa ông không đựng đĩa vào một vài trong năm món ấy”. Và cuối cùng, mỗi một người con gái đều phải xem lấy chồng là điều nhất thiết phải thực hiện để trọn đạo làm người. Cuộc nói chuyện của mẹ con X. có thể xem là sự chuyển tải những mã ý thức tập thể từ thế hệ trước sang thế hệ sau: “Có nhất thiết phải lấy chồng không hả mẹ? Tôi hỏi. Mẹ bảo có. Con phải lấy chồng mới trọn đạo làm người. Con phải lấy chồng để duy trì giống nòi cho gia đình mình. Nếu con muốn quay về nhìn ông bà tổ tiên thì bắt buộc con phải lấy chồng.....Con sợ mình không hạnh phúc mẹ à. Hạnh phúc hay không là do mình. Mẹ chưa bao giờ nghĩ mình không hạnh phúc vì mẹ thấy được bốn phận của mình. Phục vụ chồng con là hạnh phúc, gia đình chồng yên ổn là hạnh phúc, con cái lớn lên bình thường là hạnh phúc”. X. hoàn toàn không được dạy về hạnh phúc, về cách đấu tranh để giành lấy và giữ gìn hạnh phúc. Hạnh phúc, chỉ là ở chỗ “phải biết cách thỏa thuận với cuộc sống”.

Ngược lại với X., M là cô gái có nhiều ý tưởng kì lạ, nhiều quan điểm khác với người xung quanh, búống bỉnh, thậm chí cố chấp với quan điểm của mình. M. không giỏi nấu ăn, mơ ước về những chuyến đi và một cuộc sống “của những con gió”, có quan điểm thoải mái, coi mở về những vấn đề bị người đời kì thị (người chuyển giới), M. luôn dám đối mặt, thậm chí thay đổi cách nghĩ truyền thống, đi ngược lại cách hiểu phổ thông của tất cả mọi người. Khi nhập vai Sita trong trích đoạn *Rama buộc tội*, M. không ngần ngại thay đổi lời thoại theo ý mình: “Ngọn lửa này không phải để chứng minh cho sự trong sạch của thần. Ta không việc gì phải từ bỏ tính mạng của mình, chết vì con ghen tuông mù quáng của ngài. Ta bước vào lửa là để có ngày ngài phải trả giá vì đánh mất đi một người phụ nữ đáng trân trọng”. Chính sự khác biệt trong tính cách đã khiến X. dường như luôn mờ nhạt bên cạnh M. Cô gần như là cái bóng của người bạn gái kiêu hãnh, cá tính, luôn có thể thu hút mọi ánh mắt của đám đông như M.

X. là kiểu người từ khi sinh ra cho đến khi đã là người phụ nữ trưởng thành đều phải sống cuộc đời bị giam cầm, cả về thể xác lẫn tinh thần, bởi không gian của X. chỉ “luân quần từ nhà bếp đến phòng khách và ra tới chợ cóc đầu hẻm”. Người đọc hẳn không ngạc nhiên khi thấy X. khát thèm biết mấy những chân trời tự do mà M. từng đến, thậm chí, xem những câu chuyện M. kể như gia vị cho cuộc sống tẻ nhạt của mình: “Cậu từng bảo, nhờ có những câu chuyện mà cậu sống tốt hơn. Cậu từng bảo, đời cậu sẽ tẻ nhạt biết bao nếu thiếu đi những câu chuyện của tớ...Cậu từng bảo sẽ sinh thật nhiều con và kể lại cho nó nghe những câu chuyện của tớ. Mặc dù chỉ nhớ lơ mờ nhưng cậu sẽ biến tấu nó thành những câu chuyện thật hấp dẫn. Rồi những đứa con của cậu sẽ lại kể những câu chuyện ấy theo cách của chính nó. Và câu chuyện cứ thế được nhân lên...”. Còn M., dù không che giấu cảm giác cô đơn trong những năm tháng xa quê hương, dù luôn mơ về những bữa ăn gia đình, nhưng vẫn dũng cảm theo đuổi

lí tưởng tự do của mình, làm con chim tự do, “những con chim có thể vượt qua tất cả các bức tường biên giới, những con chim sẽ chẳng bao giờ mang trên mình nỗi đau khi bay qua mảnh đất quê hương mà không thể nào đáp xuống”.

Hệ quả của việc được giáo dục theo quan điểm lấy người đàn ông làm trung tâm là sự coi nhẹ chính giá trị bản thân mình. X. không hề tự ý thức về chính mình, gần như quên mình và tự định vị trong mối quan hệ với người khác. Lâu dần, thói quen ấy biến X. thành kẻ khiếm nhược, chỉ biết giấu mình đi, hi sinh vô điều kiện như một thói quen. M. là người đã vạch trần nỗi đau âm ỉ ấy của X.: “Cậu đã ở quá lâu trong cuộc sống của những người khác đến nỗi quên mất mình là ai rồi. Cuộc sống của cậu giờ chỉ còn được gọi tên bằng những từ như: vợ thằng Thành, thư ký ông Trung. Thậm chí cậu còn bảo, nếu cậu sinh bé Bi ra, hãy gọi cậu là mẹ bé Bi nhé...”. Thậm chí, X. còn tự coi mình như một vật chứa đựng, một nơi trú chân tạm thời, một chặng nghỉ trên hành trình tái sinh không ngừng nghỉ của sự sống: “Cậu bảo sẽ nhanh thôi, mầm sống ấy sẽ chui tọt ra ngoài và cái cây chứa đựng mầm sống ấy dù có bị đào thải thì cũng hài lòng vì hoàn thành sứ mệnh truyền giống của nó. Như vậy, người phụ nữ chỉ sinh ra trên đời này, lặng lẽ dâng hiến, làm tròn thiên chức, rồi lặng lẽ ra đi, không đòi hỏi”. Khác với X., M. giàu lòng tự tôn, luôn khao khát khẳng định giá trị của bản thân mình. M. tự do làm tất cả những gì mình thích, sống một cuộc sống như mong muốn và không chấp nhận đánh mất mình trong bất cứ mối quan hệ nào. Nếu như, X. được giáo dục để hướng đến sự hoàn thiện thì M. lại sống cho những điều bình thường. X. dành cả tuổi trẻ của mình học nấu những món ăn ngon, trong khi M. chỉ mơ về những bữa ăn bình thường: “nồi cơm có thể để giữa bàn ăn, chén bát có thể không phải là gốm sứ Nhật Bản để lâu lâu chụp hình đăng lên facebook theo một kiểu sắp đặt nào đó, mà là một bữa ăn có thể có miếng cơm cháy, canh hơi mặn, cá kho không đều màu của người không giỏi nấu ăn”. M. chưa từng và không hề thừa nhận bất cứ sức ép nào, càng không muốn sống như một biểu tượng hoàn mỹ, còn X., mang theo tập tính và thói quen di truyền thế hệ, cô sống theo con đường mà những người đi trước vạch sẵn mà không hề hoài nghi hay phản kháng.

Ngay cả ở thái độ đối mặt với quá khứ, thực tại cũng như tương lai, X. và M. cũng khác biệt. X. nhạy cảm, mỏng manh nên không chịu nổi những va chạm phũ phàng của hiện thực. Thiên chức làm mẹ ba lần bị đứt gãy khiến X. không còn đủ dũng khí đối mặt. Còn M., cô lựa chọn chiến đấu với nỗi ám ảnh của chính mình: “Trên người mình có hai vết sẹo mà mình gọi là vết sẹo âm thanh. Cứ mỗi lần có tiếng nổ là cả người mình lại đau nhức...Dẫu vậy, không hiểu sao mình lại thích ngắm pháo bông dù trải nghiệm đó luôn khiến mình đau đớn và sợ hãi. Mình thích nhìn thấy những khoảnh khắc lóe lên một cách rực rỡ nhất rồi lại vụt tắt”. Cuối cùng, khi X. sụp đổ, tuyệt vọng, từ bỏ ý niệm tiếp tục sống vì bị thương tổn quá sâu thì chính M. lại là người đưa một cánh tay nâng đỡ X., dìu X. ra khỏi trạng thái hoảng loạn và lãng quên.

Cho đến cuối tác phẩm, khi X. đã có thể hồi phục từ chấn thương tâm lý và cùng với mẹ thực hiện chuyến du lịch đến Singapore thì M. cũng mất tích. Sự tồn tại của M. không còn ý nghĩa khi X. đã có thể tìm lại được dũng khí để tiếp tục sống. Nói cách khác, X. và M. tuy được khắc họa như hai con người có đời sống tâm lý riêng, suy nghĩ riêng, giọng nói riêng nhưng kì thực chỉ là 2 trạng thái tâm lý được tách ra từ 1 bản thể, và đã thực sự đạt đến độ dung hòa ở cuối tác phẩm.

Bằng cặp hình tượng song trùng X. và M., tác giả đã nói lên tiếng nói mang ý niệm nữ quyền rõ nét. Không viện đến ngôn từ tranh đấu hùng hồn, tác giả thuyết phục người đọc bằng cách trải rộng nỗi đau của người phụ nữ, để người đọc cảm nhận một cách sâu sắc tình trạng “đánh mất chính mình” của những kiếp số mong manh ấy, để rồi lại tiếp tục lật mở trước mắt độc giả con đường của chữa lành, tái tạo và hồi sinh. Vấn đề thân phận bé mọn của người phụ nữ được gọi ra một cách cảm động, cuốn hút, song song với việc trao trả cho họ cái ý thức về giá trị tự thân vốn dĩ từng bị cướp đi bởi những quan điểm và tư tưởng của một xã hội xem người đàn ông là trung tâm của tất cả những gì trung tâm nhất.

2.2. Song trùng biểu tượng

Trong *Tự sự của hạt mưa*, cặp biểu tượng phụ nữ và tự nhiên đã được tái hiện trên cùng một trục ý tưởng, từ những tọa độ gốc là vẻ đẹp, nỗi đau và sự bao dung.

Từ đầu đến cuối tác phẩm, xúc cảm thẩm mỹ của người đọc liên tục được lấp đầy bởi những trang viết về thiên nhiên trong vẻ đẹp nguyên sơ mà giản dị nhất của nó. Đó là Bagan với vẻ đẹp tráng lệ, nơi có “những tòa tháp, những ngôi chùa ôm lấy nỗi đau của con người”, là hồ Inle với “những chú chim hải âu cứ bay lượn trước mũi thuyền không rời, hết nàng hoa tiêu thiện nghệ rẽ nước chỉ đường cho chiếc thuyền”, là Robinson - nơi được mệnh danh “bãi biển của hoàng hôn” vì đó là thời điểm đẹp nhất, khi “mặt trời đi xuống biển bên những đám mây ngũ sắc”. Mượn vẻ mỹ lệ của tự nhiên làm nền cảnh, tác giả kể cho người đọc nghe câu chuyện về những phận hồng nhan xưa như vương phi Mị Ê, công chúa Po Sha Inu. Như thế, vẻ đẹp chính là điểm khởi đầu, nhưng là khởi đầu của nỗi đau.

X. tổn thương sâu sắc sau 3 lần nếm trải cảm giác bị đứa con rời bỏ: “Vậy mà rốt cuộc lại chẳng có đứa con nào ra đời. Đã ba lần cậu nhìn bụng mình to lên rồi chưa tới ngày tới tháng, đứa trẻ lại vụt mất biến mất như thể nó sợ phải ra đời, sợ phải nếm trải những tổn thương đau khổ, sợ phải đối diện với tuổi già, cái chết”. X. co mình trong trạng thái tự ám thị về đứa trẻ chưa bao giờ được cất tiếng khóc chào đời: “Cậu bảo, đứa trẻ đã đi rồi. Nó không thèm chơi với cậu. Nó sợ phải nhìn những buổi tối cậu ăn cơm một mình, sợ phải nhìn những vết bầm trên mặt, trên tay chân mà cậu sẽ phải nói với con là: Mẹ bị va vào cửa, mẹ đi không cẩn thận bị ngã...”. Cô mỗi ngày mỗi khô héo đi trong niềm tuyệt vọng, đeo đuổi khát vọng nuôi dưỡng một hình hài:

“Cậu bảo, dù đứa con với cậu chỉ còn là hoài niệm thì cậu cũng sẽ bảo vệ hoài niệm ấy trong trạng thái tốt nhất có thể”. Và vết thương, vết thương cứ thế rỉ máu không ngừng nghỉ, cho dù miệng vết thương chưa bao giờ hiển lộ rõ ràng: “Tôi không biết nữa. Tôi đang rất đau. Cứ mỗi lần tôi đau như thế là máu lại tuôn trào bên dưới. Tôi nghĩ đây không phải là kinh nguyệt. Tôi cũng không biết kinh nguyệt của mình vào ngày nào. Từ lâu nó đã không còn theo chu kì”. Nỗi đau mà X. phải chịu đựng đúng như Cathy Caruth mô tả: “Chấn thương hoặc là đẩy con người đối mặt với cái chết hoặc tồn tại trong trạng thái khổ sở ngấm ngấm dai dẳng và liên tục tái diễn vết thương trong phần đời còn lại” [2]. Từ niềm khát khao, mơ ước, đứa con trở thành nỗi ám ảnh của người mẹ. Như con thú bị thương tự liếm vết thương của mình, X. chọn tư thế nguyên sơ nhất, tư thế khởi thủy của sự tái sinh để xoa dịu và tự chữa lành vết thương: “Giờ đây, trăng vẫn tròn, thủy triều vẫn lên nhưng người cậu lại cạn khô, rệu rã. Từ cung của cậu mang một vết sẹo rất lớn vì những vết bám mà đứa trẻ chạm vào rồi rời đi...Cậu đặt chiếc gối vào bụng dưới, co tay chân lại và ngủ trong tư thế bào thai”. Diễn ngôn chấn thương trong *Tự sự của hạt mưa* đích thực đã phơi bày đến tận cùng nỗi đau lớn nhất trong đời người phụ nữ: nỗi đau bất lực trước thiên chức của mình. Cái thiên chức mang vết sẹo khiến X. không đủ dũng khí đối mặt, nghi ngờ chính ý nghĩa tồn tại của mình. Sự mất trí tạm thời của X. có thể xem là sự cưỡng chế ý thức để chống lại tình trạng bị tổn thương, hay chính là “sự chạy trốn khỏi hiện thực”, “hoán cải hiện thực” [1].

Chồng lấp lên nỗi đau của người phụ nữ là trùng điệp những thảm kịch của tự nhiên. Qua hồi ức của M., thiên nhiên hiện lên tươi đẹp nhưng bị thương vì bị chà đạp, bức tử, như đàn cò Eo Gió, như những hàng cây trong thành phố. Những vẻ đẹp từng tồn tại nay lặng lẽ điêu tàn, có chăng chỉ còn lại trong lời kinh Phúc âm ở góc sâu một tâm hồn mong manh nào đó: “Những con chim đã không còn chỗ trú thân bởi những hàng cây đã bị phá sạch và tổ của chúng chẳng còn nữa. Chúng chẳng còn biết nơi đâu là nhà. Chúng bay mãi và cứ thế từng con một rút dần xuống biển. Đến một lúc nào đó người ta sẽ quên mất nơi đây đã từng có những đàn cò Eo Gió tuyệt đẹp. Đến một lúc nào đó, đàn cò Eo Gió sẽ vắng bóng trong các sách ghi chép về động vật như thể chúng chưa từng tồn tại trên đời”; “Ấy vậy mà chỉ trong một thoáng chốc, toàn bộ cây xanh biến mất nhường chỗ cho cái nắng gắt chói chang và những cơn mưa xối xả. Những ngôi nhà ven đường trở nên trống rỗng, đón đau như bị cắt đi một bộ phận cơ thể. Những ngôi nhà khuyết tật, yếu ớt, già nua, khô hạn...Sẽ chẳng có nơi đâu trông giống thành phố của tụi mình khi những chuyến bay bắt đầu hạ cánh. Dưới mắt mình chỉ toàn màu trắng, màu kiếng, màu thủy tinh phản quang để cái nắng càng có cơ hội khuếch tán. Mình tìm kiếm những màu xanh lá cây trong vô vọng. Sắc trắng khiến tâm hồn mình thêm lạnh lẽo”.

Dẫu vậy, ngay trong nỗi đau, tấm lòng của người phụ nữ cũng như của thiên nhiên vẫn hàm chứa bao dung, che chở, vẫn cam nguyện hi sinh, nhận phần thua thiệt

về mình. Nàng công chúa Po Sha Inur từ bỏ tình yêu đích thực của đời mình, dành toàn tâm toàn ý cho đất nước, cho nhân dân, hóa thành tiếng thở than xuyên qua những viên gạch của nghìn trùng tháp cổ. X. sống nhẫn nhịn, thậm chí cố chấp, chỉ với mong muốn có thể tượng hình một mầm sống, cho dù ngay khi mầm sống ấy xuất hiện trên đời thì cơ thể mẹ ngay lập tức bị đào thải.

Cặp biểu tượng song trùng phụ nữ và tự nhiên thường được khéo lồng ghép, sắp đặt cạnh nhau, thậm chí trong nhau. Trong những đau thương mất mát của tự nhiên, người đọc thấy thấp thoáng nỗi đau của đời người phụ nữ, và trong mỗi một thân phận nữ, lại thấy trùng trùng những tha thứ, che chở, bao dung của mẹ tự nhiên. Năng lực chữa lành vết thương của tự nhiên là điều không thể nghi ngờ, vì thế, câu chuyện mà Lê Na kể kì thực còn là câu chuyện sinh thái, khi tự nhiên trở thành liệu pháp giúp xoa dịu những chấn thương sâu của tâm hồn. Nhưng vẫn còn đó những khắc khoải cho một câu hỏi chưa tìm được lời đáp: liệu pháp nào cho những vết thương hấy đang còn rỉ máu trên cơ thể tự nhiên?

2.3. Song trùng văn bản

Câu chuyện của cuộc đời X. đã được tái hiện lại một cách sinh động qua phương thức song trùng văn bản. Tác giả đã cố ý sử dụng kiểu chữ khác nhau nhằm hướng người đọc đến ý thức phân tách giữa lời của X. và lời của M. Trong toàn bộ tác phẩm, những góc khuất sâu kín trong tâm hồn của X. và M. hé ra qua những lời tự thuật dưới dạng nhật kí. Các lượt cảm nghĩ luân phiên này (M. 15 lượt và X. 12 lượt) thường có tính chất hồi đáp, hô ứng lẫn nhau, lý giải những khúc mắc từng có trong quá khứ, biện giải và trình bày quan điểm về cùng một vấn đề. X. nhớ về bữa ăn gia đình mà người đàn ông luôn là trung tâm để người phụ nữ hướng đến, chăm chút, phục vụ, còn M. lại mơ ước những bữa ăn mà cả hai người ăn phải đồng đẳng, đồng điệu, mở ra sự chia sẻ và tương tác. X. nghĩ về những vết sẹo ánh sáng trên người M. như dấu ấn của sự sợ hãi, còn M. lại sẵn sàng dấn thân vào nỗi sợ hãi ấy để vượt qua nó. X. khóc khi nhớ về hàng dừa trong vườn bị cửa bỏ, M. từng ngồi cả đêm với hàng cây sáng hôm sau sẽ bị đốn gãy, lòng buồn rười rượi tìm kiếm một sắc xanh trong vô vọng khi quay trở lại quê nhà. X. nhớ về mẹ và những lời răn dạy về bốn phận của người phụ nữ, còn M. nghe thấy tiếng thổn thức qua những thánh địa mồ chôn của muôn kiếp hồng nhan, thấu hiểu và đau xót cho gánh nặng nghĩa vụ trên vai họ....

Với hình thức chuyển đổi ngôi kể đa dạng, linh hoạt, người đọc được dự phần vào diễn biến của câu chuyện. Ngạc nhiên với những quan điểm kì lạ của M., đồng cảm với nền giáo dục mà X. được thụ hưởng, nhẹ nhõm khi những nút thắt tâm lí được cởi bỏ. Điều đáng nói ở đây chính là ngữ cảnh để các nhân vật trải lòng mình. Chuyển đi dài ngày qua nhiều miền đất với những không gian thiên nhiên trong trẻo, những không gian tâm linh an tĩnh, những không gian văn hóa sinh động, nhiều sắc màu... đã khiến cho tâm hồn của X. lắng lại. Và như vậy, các văn bản chồng lấn lên nhau, nhiều

khi trùng lẫn trong nhau một cách tự nhiên: văn bản cá nhân có tính nhật ký của X. và M., văn bản lịch sử, văn hóa có tính chất tự sự, mô tả của người kể chuyện...

Lá thư của Xuân gửi cho Mi cuối tác phẩm là văn bản có tính chất tổng kết, mở ra chân trời mới cho một con người trên hành trình sống trở lại. Đã từng ôm nỗi đau mang trong mình khoảng không vắng lặng như “một hố đen của vũ trụ”, cuối cùng X. vẫn vượt qua bóng ma tâm lý để một lần nữa làm mẹ. Lá thư tuy không hướng đến xác lập một câu trả lời hay một kết thúc rõ ràng nhưng mang lại cảm giác yên tâm vì sự dừng cảm đối mặt hiện thực của nhân vật chính.

Kết cấu song trùng, đến đây, có vẻ như không còn lý do để tồn tại. Mọi sự phân thân, đánh lừa cảm giác, trốn chạy, giả vờ lãng quên đều có giới hạn cuối cùng của nó, cái giới hạn mà một khi ai đó vượt qua thì tồn tại thực sự của chính nó sẽ bị xóa bỏ. M. phải ra đi, vì đã đến lúc X. học tự đứng trên đôi chân của mình và đương đầu, thay vì trốn chạy. Hẳn nhiên, đó là lý do *Tự sự của hạt mưa* được xem là diễn ngôn của chấn thương và chữa lành, của nỗi đau lẫn niềm kiêu hãnh thân phận.

3. KẾT LUẬN

Ngay từ khi được định danh là tiểu thuyết nữ quyền sinh thái, *Tự sự của hạt mưa* đã mang bản chất song trùng. Câu chuyện của người phụ nữ được trình hiện song song với câu chuyện của tự nhiên. Nhân vật X. với những chấn thương sâu sắc là phiên bản của quá khứ, của những định kiến, còn nhân vật M. mạnh mẽ, quyết liệt mà tự tin, dám vượt thoát là mẫu hình mới của phụ nữ hiện đại. X. là quá khứ của M., còn M. là cái đích mà X. vươn đến và sẽ trở thành. Kết cấu song trùng là phương thức đặc thù giúp tác giả tái hiện đồng thời 2 diện mạo của cùng một bản thể nữ trong thế đối chiếu, song hành, từ đó khẳng định giá trị, cảm thông cùng nỗi đau và mạnh mẽ đấu tranh cho quyền của người phụ nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Nguyên Cẩn, *Cái kỳ ảo trong tác phẩm của Balzac*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.22.
- [2]. Karen.L.Thoraber (Nguyễn Quốc Vinh dịch, 2015), *Lý thuyết chấn thương, Lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu văn học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Nxb Đà Nẵng, 1997, tr.826.

THE DOUBLE STRUCTURE IN “TỰ SỰ CỦA HẠT MƯA” (LÊ NA)

Tran Nhat Thu

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: thu_dhkh@husc.edu.vn

ABSTRACT

The theory of feminism from an ecological perspective has been recently a new approach of research and composition in Vietnam. *Tự sự của hạt mưa* (by Đào Lê Na) is considered as the first feminist ecological novel in Vietnam. In this novel, the author used the double structure at various levels including characters, symbols, and text to highlight the feminism and ecology themes. The double structure in both content and form allowed readers to simultaneously perceive two independent images, creating the interest and vitality for “*Tự sự của hạt mưa*”.

Keywords: double structure, *Tự sự của hạt mưa*.



Trần Nhật Thu sinh ngày 04/7/1982 tại Huế. Bà nhận bằng cử nhân năm 2004, bằng thạc sĩ năm 2008 và bằng tiến sĩ năm 2017 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện bà đang công tác tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam hiện đại, truyện ngắn Việt Nam đương đại.

